

Số: 626/QĐ-PT&TH

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Bảng giá quảng cáo, dịch vụ năm 2022

GIÁM ĐỐC ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH HÀ TĨNH

- Căn cứ Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13, ngày 21/6/2012 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP của Chính Phủ về việc chi tiết Luật số 16/2012/QH13 về Quảng cáo;
- Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính Phủ về việc Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Căn cứ Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Tĩnh;
- Căn cứ Quyết định số 3926/QĐ-UBND, ngày 17/11/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ cho Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Tĩnh;
- Xét đề nghị của Phòng Dịch vụ và Quảng cáo;


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này "Bảng giá quảng cáo, dịch vụ năm 2022" của Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Tĩnh.

Điều 2: Bảng giá được áp dụng thống nhất cho các tổ chức, cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp trong phạm vi cả nước.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 và thay thế các quyết định ban hành về Bảng giá quảng cáo, dịch vụ trước đây.

Ban Giám đốc; các phòng chuyên môn và tập thể, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Ban Giám đốc;
- Các phòng CM;
- Khách hàng
- Lưu: VT

GIÁM ĐỐC




Nguyễn Việt Trường

BẢNG GIÁ QUẢNG CÁO, DỊCH VỤ NĂM 2022

(Kèm Quyết định số 626/QĐ-PT&TH ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Tĩnh)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

- Đơn vị tính: Đồng Việt Nam (VNĐ)
- Đơn giá quảng cáo, dịch vụ áp dụng hóa đơn bán hàng, mẫu 02GTTT0/001

II. ĐƠN GIÁ QUẢNG CÁO TRÊN SÓNG TRUYỀN HÌNH

1. Quảng cáo bằng video, clip (TVC)

CHƯƠNG TRÌNH		MÃ GIỜ	KHUNG GIỜ	ĐƠN GIÁ/lần		
THỜI SỰ HTTV	VỊ TRÍ			15 giây	20 giây	30 giây
Sáng	Trước, sau	T1	05h30-6h	2.000.000	3.000.000	4.000.000
Giữa sáng	Trước, sau	T2	9h45-10h			
Giữa chiều	Trước, sau	T4	16h45-17h			
Trưa	Trước, sau	T3	11h45-12h	6.000.000	7.000.000	8.000.000
Chiều	Sau phim P.5, trước thời sự VTV	T5	18h55-19h	7.000.000	8.000.000	10.000.000
Tối	Sau thời sự VTV, trước thời sự HTTV	T6	19h40-19h45	16.000.000	18.000.000	22.000.000
	Sau thời sự HTTV, trước DBTT	T7	20h00-20h03	13.000.000	15.000.000	18.000.000
Chương trình QC	Sau DBTT	T8	20h05-20h15	9.000.000	10.000.000	12.000.000
CHƯƠNG TRÌNH	VỊ TRÍ					
Chuyên đề, chuyên mục; văn nghệ; trang địa phương...	Trước, giữa và sau	C1	06h10-18h	2.000.000	3.000.000	4.000.000
		C2	21h30-23h	4.000.000	5.000.000	6.000.000
Bản tin Thể thao	Sau	C3	20h15-20h25	6.500.000	7.500.000	9.000.000
Bản tin Kinh tế - TC	Sau	C4	22h15-22h20	3.000.000	4.000.000	5.000.000
Bản tin Quốc tế	Sau	C5	22h30-22h35	3.000.000	3.500.000	4.000.000
PHIM TRUYỆN	VỊ TRÍ					
Sáng	Giữa	P1	7h00-9h45	2.000.000	3.000.000	4.000.000
Trưa	Trước, sau	P2	11h00-11h45	6.000.000	7.000.000	8.000.000
	Giữa	P3		6.500.000	7.500.000	9.000.000

Chiều	Giữa	P4	16h00-16h45	3.500.000	4.000.000	5.000.000
		P5	18h00-18h45	6.500.000	7.500.000	9.000.000
Tối	Giữa	P6	20h25-21h10	11.000.000	13.000.000	15.000.000
		P7	22h25-23h15	5.000.000	6.000.000	7.000.000

- Đơn giá được tính theo các mức chuẩn của TVC 35s (20s+15s), 40s (20s+20s), 45s (30s+15s), 50s (30s+20s), 60s (30s+30s).

- TVC có thời lượng trên mức chuẩn được tính theo đơn giá của mức chuẩn cao hơn kế tiếp, dưới 15s được tính bằng đơn giá 15s.

2. Key Logo, Pop-up, chạy chữ và Panel

THỜI ĐIỂM	KHUNG GIỜ	ĐƠN GIÁ/lần	
		Key Logo, Pop- up, Băng chạy chữ (10 giây)	Panel (5 giây)
Sáng	6h00-10h50	300.000	500.000
Trưa	11h00-13h45	500.000	700.000
Chiều	13h45-17h55	400.000	600.000
Tối	19h00-22h00	700.000	1.000.000

DÀI
ĐÀ
HÀTT
V
TRUY
10

3. Quảng cáo bằng lời

TT	NỘI DUNG	THỜI LƯỢNG	KHUNG GIỜ	ĐƠN GIÁ/lần
1	- Thông tin kinh tế, văn hoá, xã hội, các thông tin về tuyển sinh, dạy nghề, khai trương - Mời họp, lễ hội, lời cảm ơn của cơ quan, đơn vị	Từ 30s - 1 phút	11h45-19h00	1.500.000
			20h20-21h30	2.000.000
2	Tin buồn, lời cảm ơn tang lễ	Từ 30s - 1 phút	18h55-19h00	1.500.000
			20h20-20h30	2.500.000
3	Mời thầu, đấu giá, KD bất động sản	Từ 30s - 1 phút	11h45-19h00	2.000.000
			20h20-20h30	3.000.000
4	Tìm giấy chứng nhận QSDĐ	Từ 30s - 1 phút	18h50-19h00	1.500.000
			20h20-20h30	2.000.000
5	Tìm vật rơi, tìm người thân	Từ 30s - 1 phút	18h50-19h00	300.000
			20h20-20h30	500.000

- Các nội dung thông tin được đọc nguyên văn và bản chữ tóm tắt nội dung chính. Nếu khách hàng có yêu cầu bản chữ nguyên văn nội dung thông tin, thu tăng thêm 30% theo đơn giá.

- Thời lượng 1 phút đọc được tính 180 từ.

- Key hình ảnh trong thông báo (+) 300.000đ/hình/ lần.

B

4. Thực hiện dịch vụ khác:

4.1. Sản xuất, phát sóng tin, phóng sự; Tổ chức truyền hình trực tiếp

TT	NỘI DUNG	THỜI LƯỢNG	KHUNG GIỜ	ĐƠN GIÁ/phút	
				Nội thành	Ngoại thành (trong tỉnh)/tác phẩm
1	Tin, phóng sự ngắn phát sóng vào Bản tin thời sự tối (<i>không mang tính chất quảng bá</i>)	1-3 phút	19h45 - 20h15	10.000.000	+ 2.000.000
2	Truyền hình trực tiếp				
2.1	Chương trình, sự kiện của các ngành, các địa phương	Trên 60 phút	20h00	1.000.000	1.500.000
2.2	Giới thiệu, quảng bá thương hiệu, chương trình văn nghệ, thể thao của các tổ chức, doanh nghiệp	Trên 60 phút	20h15	1.500.000	2.000.000

- Giá trên (mục 2) chưa bao gồm phí thuê bao đường truyền.

- Thực hiện ngoại tỉnh tính thêm chi phí theo thực tế phát sinh (phương tiện, công tác phí...)

4.2. Sản xuất và phát sóng các chương trình khác

TT	NỘI DUNG	KHUNG GIỜ	THỜI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ/phút
1	Phóng sự; phóng sự tự giới thiệu, quảng bá; giao lưu, tọa đàm; phim tài liệu, phim truyền thông...	Tất cả các khung giờ (trừ Bản tin thời sự và dự báo thời tiết)	Từ 3 đến dưới 10 phút	60% của đơn giá 30s tại thời điểm
2	Phóng sự; phim tài liệu; phim truyền thông...	21h15 (Sau P.6)	Từ 10 phút trở lên	2.000.000
3	Tổ chức ghi hình và sản xuất, phát sóng chương trình (Ghi hình 90-120 phút)	21h15 (Sau P.6)	30-45 phút	1.500.000

- Các nội dung nếu chỉ sản xuất hoặc chỉ phát sóng, tính 80% đơn giá tương ứng.

4.3. Sản xuất video, clip (TVC) và file thu âm

TT	NỘI DUNG	THỜI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	
			Nội thành	Ngoại thành (trong tỉnh)
1	TVC	30 giây	10.000.000/TVC	+3.000.000/TVC
2	Đọc, thu âm file quảng bá (không phát sóng)	1-3 phút	1.000.000/bản ghi	
3	Đọc, thu âm file phóng sự (không phát sóng)	phút	300.000/phút	

4.4. Tổ chức Live stream (không bao gồm dẫn chương trình)

HẠN NHÌ

TT	NỘI DUNG	THỜI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ/phút	GHI CHÚ
1	Trên Fanpage hoặc trên Youtube: Truyền hình Hà Tĩnh	Trên 60 phút	600.000	Chương trình sự kiện, của các ngành, các địa phương
2	Trên trang cá nhân	Trên 30 phút	400.000	Chương trình, sự kiện của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân

III. ĐƠN GIÁ QUẢNG CÁO TRÊN SÓNG PHÁT THANH: FM 10kw, tần số 97,8 MHz

TT	NỘI DUNG	THỜI LƯỢNG	KHUNG GIỜ	ĐƠN GIÁ/lần
1	- Thông tin kinh tế, văn hoá, xã hội, các thông tin về tuyển sinh, dạy nghề, khai trương - Mời thầu, đấu giá	1 phút	05h30-6h00 11h-12h 17h00-18h00	1.000.000

IV. ĐƠN GIÁ QUẢNG CÁO TRÊN TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Quảng cáo tất cả các vị trí trên Website: hatinh.tv.vn:
10.000.000 đồng/tháng; 60.000.000 đồng/năm.

V. QUY ĐỊNH MỨC GIẢM GIÁ VÀ XÉT THƯỞNG

1. Nguyên tắc giảm giá:

1.1. Ưu tiên cho khách hàng ký hợp đồng dài hạn, có doanh số lớn, thanh toán đúng thời gian, thanh toán trước; khách hàng là nhà sản xuất, các thương hiệu, nhãn hàng mới.

1.2. Căn cứ Quy định nêu trên và khả năng cạnh tranh trong từng trường hợp cụ thể, Giám đốc Đài sẽ quyết định tỷ lệ giảm giá trên từng hợp đồng.

1.3. Doanh số thực hiện được xác định theo nguyên tắc sau:

Doanh số thực hiện = Đơn giá (nguyên giá) x số lần quảng cáo

2. Tỷ lệ giảm giá:

TT	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG	MỨC GIẢM GIÁ/GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG
1	Từ 20 triệu đến dưới 100 triệu đồng	8%
2	Từ 100 triệu đến dưới 300 triệu đồng	10%
3	Từ 300 triệu đến dưới 500 triệu đồng	12%
4	Từ 500 triệu đến dưới 1 tỷ đồng	15%
5	Từ 1 tỷ đến dưới 2 tỷ đồng	17%
6	Từ 2 tỷ đến dưới 3 tỷ đồng	20%
7	Từ 3 tỷ đến dưới 4 tỷ đồng	25%
8	Từ 4 tỷ đến dưới 5 tỷ đồng	27%
9	Từ 5 tỷ đến dưới 7 tỷ đồng	30%
10	Từ 7 tỷ đồng trở lên	35%



3. Điều kiện xét thưởng:

3.1. Để động viên khách hàng thực hiện vượt doanh số hợp đồng đã ký trong năm, Đài sẽ thực hiện thưởng khuyến khích (bằng TVC quảng cáo). Căn cứ vào doanh số vượt, Giám đốc Đài quyết định mức thưởng.

3.2. Khách hàng không tính giảm giá theo hợp đồng quảng cáo thì được hưởng hoa hồng sau khi thanh toán 100% giá trị hợp đồng. Mức hưởng hoa hồng thực hiện theo tỷ lệ giảm giá (Phải khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật).

VI. QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC PHÁP LÝ

1. Nội dung quảng cáo phải phù hợp với quy định của luật pháp Việt Nam và phải có giấy phép duyệt nội dung; giấy phép đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm của cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Trường hợp tìm người thân phải có xác nhận của chính quyền địa phương.

3. Ưu tiên, miễn thu phí tin buồn, lời cảm ơn (01 lần) đối với các đối tượng: Cán bộ lão thành Cách mạng; Mẹ VNAH có giấy xác nhận của cấp có thẩm quyền, liệt sỹ. Việc tăng số lần miễn phí và thay đổi giờ phát với các đối tượng nêu trên do Giám đốc Đài quyết định. Các trường hợp miễn, giảm chỉ phát sóng vào khung giờ trước 19h.

Trong quá trình thực hiện, nếu có điều chỉnh, thay đổi, Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Tĩnh sẽ thông báo đến khách hàng trước khi áp dụng, ít nhất là 15 ngày.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Phòng Dịch vụ & Quảng cáo

Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Tĩnh

Địa chỉ: Số 22, đường Phan Đình Phùng, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 02393.858608

- Fax: 02393.853473

Email: quangcaohttv@gmail.com

- Website: hatinh.tv.vn

GIÁM ĐỐC 



Nguyễn Viết Trường